

Bản án số: 121/2020/HS-ST

Ngày: 28/12/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hưng
2. Ông Trịnh Ngọc Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Vàng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 101/2020/TLST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 127/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn D (DRG), sinh năm 1967 tại tỉnh Bến Tre; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp A, xã SĐ, thành phố BT, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn D1 (đã chết) và bà Phạm Thị L, sinh năm 1930; Vợ: Phan Thị X, sinh năm 1974 (đã ly hôn); Con: có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 1995; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/10/2020 cho đến nay. (Có mặt)

*** Người chứng kiến:**

- Lê Thị H, sinh năm 1987;

Nơi cư trú: Ấp PH, xã PT, huyện CT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

- Lê Tấn T, sinh năm 1992;

Nơi cư trú: Khu phố B, Phường E, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

- Nguyễn Thái N, sinh năm 1995;

Nơi cư trú: Khu phố BT, Phường F, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ ngày 21/9/2020, lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Bến Tre phối hợp với Công an phường 6, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tiến hành kiểm tra phòng số 11, nhà trọ MM ở khu phố BK, phường F, thành phố BT, tỉnh Bến Tre do bị cáo Nguyễn Văn D thuê để ở. Tại thời điểm kiểm tra, trong phòng số 11 ngoài bị cáo D còn có Lê Thị H (sinh năm 1987; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp PH, xã PT, huyện CT, tỉnh Bến Tre). Qua kiểm tra, lực lượng Công an phát hiện bị cáo D có hành vi cất giấu trái phép chất ma túy nên tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với D và thu giữ tang vật.

Vật chứng thu giữ: Thu của Nguyễn Văn D trên bệ xi măng sát góc tường hướng đông bắc của phòng số 11:

- Thu trong gói thuốc hiệu JET: 01 túi ny lon màu trắng hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khếp và vạch ngang màu đỏ, bên trong có chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy (Sau khi thu giữ được niêm phong trong phong bì có chữ ký và ghi tên Nguyễn Hải Đăng K, Nguyễn Văn D, Nguyễn Thái N, Lê Tấn T, Lê Thị H, Nguyễn Văn P và hình dấu tròn màu đỏ của Công an phường 6, thành phố Bến Tre).

- 01 túi ny lon màu trắng hàn kín ba phía, phía còn lại hở.

- 01 bình nhựa, trên nắp bình có gắn nỏ thủy tinh và ống hút nhựa màu trắng.

- 01 lon nhựa màu xanh.

Qua làm việc, bị cáo D khai nhận: 01 túi ny lon màu trắng hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khếp và vạch ngang màu đỏ, bên trong có chứa tinh thể màu trắng mà lực lượng Công an thu giữ trong gói thuốc lá hiệu JET để trên bệ xi măng sát góc tường hướng đông bắc của phòng số 11 là ma túy đá của bị cáo D, bị cáo D có được là do vào ngày 20/9/2020, bị cáo D lên thành phố Hồ Chí Minh bán gà thì gặp người bạn tên P (không rõ họ và địa chỉ cụ thể), P rủ bị cáo D sử dụng ma túy và cho bị cáo D 01 túi nylon chứa ma túy đá đem về sử dụng. Bị cáo D bỏ túi ma túy của P cho vào gói thuốc hiệu JET cất giấu sau đó trở về Bến Tre. Đến khoảng 13 giờ 30 phút ngày 21/9/2020, bị cáo D đến thuê phòng số 11 nhà trọ MM ở khu phố BK, phường F, thành phố BT, tỉnh Bến Tre để ở. Tại đây, bị cáo D lấy túi ma túy ra sử dụng một ít, phần còn lại bị cáo D tiếp tục cất giấu vào gói thuốc hiệu JET rồi để trên bệ xi măng sát góc tường hướng đông bắc của phòng số 11. Được một lúc, H đến phòng số 11 tìm bị cáo D để trả tiền mà H đã nợ trước đó nhưng khi H vừa vào phòng số 11 thì bị lực lượng Công an vào kiểm tra phát hiện và thu giữ như trên.

Theo Kết luận giám định số 105/2020/GĐMT ngày 28/9/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công tỉnh Bến Tre kết luận: Tinh thể màu trắng đựng trong 01 túi nylon được niêm phong trong phong bì gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,7891 gam.

Tại bản cáo trạng số 102/CT-VKSTPBT ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị:

- Về tội danh và hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo D từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung do bị cáo không có thu nhập ổn định.

- Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy chất ma túy còn lại sau giám định gồm 0,7099 gam Methamphetamine được niêm phong trong phong bì số 105/2020 có chữ ký ghi tên Phan Trung T, Nguyễn Ngọc M, Nguyễn Hải Đăng K và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre, do đây là vật Nhà nước cấm lưu hành; 01 túi nylon màu trắng hàn kín ba phía, phía còn lại hở; 01 bình nhựa, trên nắp bình có gắn nỏ thủy tinh và ống hút nhựa màu trắng; 01 lon nhựa màu xanh, do đây là công cụ bị cáo D dùng để sử dụng ma túy.

Đối với đối tượng tên P do không rõ họ và địa chỉ cụ thể nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre không mời làm việc được, khi nào làm việc được sẽ xử lý sau.

Bị cáo D khai nhận ma túy mà Công an thu giữ là của bị cáo, do một người bạn tên P cho bị cáo đem về sử dụng. Vào ngày 21/9/2020, tại phòng số 11 nhà trọ MM ở khu phố BK, phường F, thành phố BT, tỉnh Bến Tre do bị cáo thuê để ở, bị cáo lấy ma túy ra sử dụng một ít, phần còn lại bị cáo tiếp tục cất giấu vào gói thuốc hiệu JET rồi để trên bệ xi măng sát góc tường hướng đông bắc của phòng số 11. Sau đó, H đến phòng số 11 tìm bị cáo để trả tiền mà H đã nợ trước đó nhưng khi H vừa vào phòng số 11 thì bị lực lượng Công an vào kiểm tra phát hiện và thu giữ như trên. Bị cáo đồng ý với kết luận giám định, không khiếu nại gì đối với các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Bến Tre, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Việc vắng mặt của những người chứng kiến, bị cáo D không có ý kiến gì, Viện kiểm sát đề nghị xét xử vắng mặt những người này. Xét thấy việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này là phù hợp theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Bị cáo D có lời khai tại phiên tòa phù hợp với biên bản sự việc, kết quả giám định, biên bản thực nghiệm điều tra, lời khai của những người tham gia tố tụng và các chứng cứ khác đã thu thập được trong quá trình điều tra, có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 14 giờ ngày 21/9/2020, tại phòng số 11 nhà trọ MM ở khu phố BK, phường F, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, bị cáo D đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,7891 gam ma túy, loại Methamphetamine để sử dụng thì bị lực lượng Công an phát hiện.

[3] Bị cáo D là người có đủ năng lực nhận biết việc cất giấu ma túy là bị pháp luật cấm nhưng bị cáo vẫn cất giấu ma túy để sử dụng nhằm thỏa mãn cơn nghiện. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sự quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây tác động xấu đến tình hình an ninh trật tự nơi bị cáo thực hiện tội phạm, là nguyên nhân phát sinh các tội phạm và các tệ nạn xã hội khác, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân.

[5] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân, bị cáo D không có tiền án, tiền sự nhưng quá trình hoạt động bản thân, bị cáo đã bị kết án về tội “Đánh bạc” và tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo D được hưởng là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[6] Hình phạt bổ sung: Do bị cáo D không có thu nhập ổn định nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

Tịch thu, tiêu hủy chất ma túy còn lại sau giám định gồm 0,7099 gam Methamphetamine được niêm phong trong phong bì số 105/2020 có chữ ký ghi tên Phan Trung T, Nguyễn Ngọc M, Nguyễn Hải Đăng K và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre, do đây là vật Nhà nước cấm lưu hành; 01 túi nylon màu trắng hàn kín ba phía, phía còn lại hở; 01 bình nhựa, trên nắp bình có gắn nỏ thủy tinh và ống hút nhựa màu trắng; 01 lon nhựa màu xanh, do đây là công cụ bị cáo D dùng để sử dụng ma túy.

[8] Đối với đối tượng tên P do không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre không mời làm việc được, kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre tiếp tục truy tìm đối tượng này để xử lý theo quy định của pháp luật.

[9] Lời phát biểu luận tội của kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo D về tội danh; điều luật áp dụng; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình

phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo D phải nộp theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D (DRG) phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn D (DRG) 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy chất ma túy còn lại sau giám định gồm 0,7099 gam Methamphetamine được niêm phong trong phong bì số 105/2020 có chữ ký ghi tên Phan Trung T, Nguyễn Ngọc M, Nguyễn Hải Đăng K và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre; 01 (một) túi nylon màu trắng hàn kín ba phía, phía còn lại hở; 01 (một) bình nhựa, trên nắp bình có gắn nỏ thủy tinh và ống hút nhựa màu trắng; 01 (một) lon nhựa màu xanh.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/11/2020, hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre quản lý).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Nguyễn Văn D (DRG) phải nộp là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn (15) mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã SĐ, TP BT (1b);
- Bị cáo (1b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (2b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Ngô Văn Trình